

**Thứ hai ngày 11 tháng 12 năm 2023**

**Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt dưới cờ: Tìm hiểu về quyền và bổn phận trẻ em**



**Tiếng Việt**

**Bài 56: ep êp ip up**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *ep, êp, ip, up;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *ep, êp, ip, up* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *ep, êp, ip, up* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *ep, êp, ip, up*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giao tiếp và hợp tác: HS phát triển kĩ năng nói về cách ứng xử khi nhà có khách.

**b. Năng lực đặc thù :**

Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết về thời tiết.

**3. Phẩm chất:**

Nhân ái: HS cảm nhận được tình cảm ấm áp của gia đình và những người thân quen được thể hiện qua tranh và các tình huống nói theo tranh.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, SGK,

- SGK, vở bt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - HS hát, chơi trò chơi  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1 Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu câu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Trong bếp/ lũ cún con/ múp míp nép vào bên mẹ.*  - GV giới thiệu các vần mới ep, êp, ip, up. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần ep, êp, ip, up.  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh vần ep, êp, ip, up để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần ep, êp, ip, up.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần  **-Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ep.  + GV yêu cầu HS tháo chữ e, ghép ê vào để tạo thành êp.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành ip.  + GV yêu cầu HS tháo chữ i, ghép u vào để tạo thành up.  + GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh ep, êp, ip, up một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *nép*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng nép.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng nép .Lớp đánh vần đồng thanh tiếng nép.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng nép. Lớp đọc trơn đống thanh tiếng nép.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng.  + GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ep, êp, ip, up.  + GV yêu cầu 1- 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: đôi dép, đầu bếp, bìm bịp, búp sen. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *đôi dép*  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ đôi dép xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *ep* trong *đôi dép*, phân tích và đánh vần tiếng *dép*, đọc trơn *đôi dép*. GV thực hiện các bước tương tự đối với đầu bếp, bìm bịp, búp sen.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đổng thanh một lần  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần ep, êp, ip, up. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần ep, êp, ip, up.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: ep, êp, ip, up, bếp, bịp, búp (chữ cở vừa).  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi  - HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ khu nhà bếp. Có xoong nồi, bếp lửa, tủ bếp và đàn chó con đang nằm cạnh chó mẹ.  -HS lắng nghe đọc theo GV câu nhận biết một số lần: *Trong bếp/ lũ cún con/ múp míp nép vào bên mẹ.*  -HS lắng nghe và quan sát  -HS lắng nghe  -HS so sánh vần ep, êp, ip, up: giống nhau đều có âm p đúng sau, khác nhau ở các âm eo, êp, ip, up đứng trước.  + HS lắng nghe  + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.  + Lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần  + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.  + HS sử dụng bộ thẻ chữ ghép vần ep,  + HS ghép tháo chữ e, ghép ê vào để tạo thành êp.  + HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành ip.  + HS tháo chữ i, ghép u vào để tạo thành up.  + Lớp đọc đồng thanh ep, êp, ip, up một số lần.  -HS thực hiện: từ vần ep ghép thêm âm n ở trước, dấu sắc tren âm e. Đọc thành tiếng nép.  + Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng nép. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng nép.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng nép. Lớp đọc trơn đống thanh tiếng nép.  + Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau ( ca – ep – kép – nặng – kẹp, nờ - ep – nép – nặng - nẹp, nờ êp – nêp – sắc nếp, …). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt các tiếng trong SHS (kẹp, nẹp, nếp, xếp, kịp, nhịp, búp, giúp)  + HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  + HS ghép các tiếng có chứa vần ep, êp, ip, up ( nhịp, xếp, phép, súp,…)  + HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  -HS lắng nghe, quan sát  - Đôi dép  -HS nhận biết: tiếng *dép* có vần *ep,* đánh vần: dờ - ep – dep – sắc – dép, đọc: đôi dép.  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần các tiếng, từ.  - HS quan sát  -HS viết vào bảng con: ep, êp, ip, up, bếp, bịp, búp (chữ cở vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ep, êp, ip, up; từ ngữ: bếp, bìm bịp, búp sen.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **2.5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần ep, êp, ip, up.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rối cả lớp đọc đống thanh những tiếng có vần ep, êp, ip, up trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Dịp nghỉ lễ, nhà Hà có ai đến chơi?  + Mẹ Hà nấu món gì?  + Hà giúp mẹ làm gì?  + Bố Hà làm gì?  **2.6. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời  *Trong tranh có những ai?*  *Mọi người đang làm gì?*  *Khi nhà có khách, em nên làm gì?*  **3. Củng cố**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần ep, êp, ip, up và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần ep, êp, ip, up và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | -HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ep, êp, ip, up; từ ngữ: bếp, bìm bịp, búp sen.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm (dịp, súp, nếp, chép, giúp, xếp, dẹp)  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rối cả lớp đọc đống thanh những tiếng có vần ep, êp, ip, up trong đoạn văn một số lần.  - HS xác định số câu trong đoạn: có 5 câu.  - Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một cầu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rối cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - Một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  + …nhà Hà có chú Tư và cô Lan đến chơi.  + …súp gà, cơm nếp và rán cá chép.  + …rửa rau quả, sắp xếp bát đĩa.  + …dọn dẹp nhà cửa,  - HS quan sát và trả lời:  *Bố, mẹ, Hà, chú Tư và cô Lan*  *Mọi người đang ăn cơm và nói chuyện vui vẻ.*  *Chào hỏi khách; vui vẻ và niềm nở với khách; giúp bố mẹ tiếp khách, trong khi ăn cơm, không nên nói nhiều, nhưng cần hỏi han để tỏ lòng hiếu khách;...*  - HS tìm một số từ ngữ chứa vần ep, êp, ip, up và đặt cầu với từ ngữ tìm được (*Mẹ mua cho em đôi dép mới. Chú mèo múp míp. Em giúp đỡ bạn…)*  -HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Toán**

**Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10(6 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được ý nghĩa của Phép trừ

- Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10

- Biết tính và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính trừ

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: tự hoàn thành bài làm của mình.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập phép trừ trong phạm vi 10. Giao tiếp, diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán,…

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận: Bước đầu làm được các bài toán thực tế đơn giản liên quan đến phép trừ (giải quyết một tình huống cụ thể trong cuộc sống).

- Giao tiếp diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài toán

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, màn hình ti vi

- Sách gk, vở bài tập , bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 6**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - Ổn định  - Giới thiệu bài  **3.Hoạt động Luyện tập, thực hành**  **Bài 1: Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  -HD HS quan sát tranh thứ nhất:11  Lần thứ nhất vớt ra 3 con cá, lần thứ hai vớt ra 2 con cá. Sau hai lần vớt còn mấy con cá?  Hình thành phép tính: 9 – 3 - 2 = 4  - GV cùng H nhận xét  **Bài 2: Tính**  - GV nêu yêu cầu bài tập  11  - GV HD HS tính lần lượt từ trái sang phải  - HS trả lời, ghi kết quả vào vở  - GV cùng HS nhận xét  **3. Chơi trò chơi: Câu cá**  - GV nêu cách chơi11  - HD HS chơi theo nhóm ( Như hướng dẫn ở SgK)  - GV giám sát động viên  **4.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - HS hát  - Lắng nghe  - Theo dõi  - HS quan sát, trả lời: còn lại 6 con  - HS nêu phép tính: 9-3=6  Còn 4 con cá. 6-2=4  - HS ghi kết quả vào vở  - HS theo dõi, nhận biết, trả lới: còn 4 con cá.  9-3-2=4  - Theo dõi, lắng nghe, thực hiện phép tính:  a) 8-2-3=3; b) 7-4-1=2;  c) 10-5-2=3; d) 3+6-4=5.  - HS nhận xét  - Theo dõi, lắng nghe  - HS tham gia trò chơi theo nhóm  - Biết thêm một bài toán có hai dấu phép tính |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Thứ ba ngày 12 tháng 12 năm 2023**

**Tiếng Việt**

**Bài 57: anh ênh inh**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các *vần anh, ênh, inh ;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *anh, ênh, inh* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *anh, ênh, inh* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *anh, ênh, inh*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ & tự học : HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật thiên nhiên và về con người.

**3. Phẩm chất:**

Trung thực : Trung thực khi đánh giá về bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, màn hình ti vi

- Sách GK, vở bt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - HS hát, chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng ep, êp, ip, up  - Nhận xét  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1 Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Con kênh xinh xinh/ chảy qua cánh đồng.*  - GV giới thiệu các vần mới anh, ênh, inh. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần anh, ênh, inh.  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh các vần anh, ênh, inh để tìm ra điểm giống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  - **Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần anh, ênh, inh.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - **Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - **Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần anh.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép ê vào để tạo thành ênh.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành inh.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh anh, ênh, inh một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *cánh*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *cánh*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng cánh. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng cánh.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng cánh. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng cánh.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  **+ Đọc trơn tiếng**  - GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  - GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần anh, ênh, inh  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: quả chanh, bờ kênh, kính râm  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *quả chanh*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV giải thích và cho từ ngữ *quả chanh* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *anh* trong *quả chanh*, phân tích và đánh vần tiếng chanh, đọc trơn từ ngữ quả chanh. GV thực hiện các bước tương tự đối với bờ kênh, kính râm  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần anh, ênh, inh. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần anh, ênh, inh.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: anh, ênh, inh , chanh, kênh, kính (chữ cỡ vừa).  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.  **2.4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần anh, ênh, inh; từ ngữ chanh, kênh, kính. GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | -HS chơi  -HS viết bảng ep, êp, ip, up  -Nhận xét bài bạn  -HS trả lời: … dòng kênh chảy qua cánh đồng.  - HS đọc câu nhận biết theo GV câu nhận biết một số lần: *Con kênh xinh xinh/ chảy qua cánh đồng.*  -HS lắng nghe và quan sát  + HS lắng nghe  + So sánh các vần: giống nhau đều có âm nh đứng sau, khác nhau ở các âm a, ê, I đứng trước.  + HS lắng nghe  + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần anh.  + HS tháo chữ a, ghép ê vào để tạo thành ênh.  + HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành inh.  + Lớp đọc đồng thanh anh, ênh, inh một số lần.  + Nhận diện mô hình tiếng *cánh* và đọc: ghép âm c trước vần anh và thêm dấu sắc trên âm a.  + Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng cánh. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng cánh.  + Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng cánh. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng cánh.  + HS đánh vần, mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần (chanh, mảnh, cạnh, kênh, ghềnh, lệnh, kính, chỉnh, thịnh)  - Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần anh, ênh, inh (sinh, xinh, bênh, mênh, canh, thanh,…)  + 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  -HS lắng nghe, quan sát  - Tranh có quả chanh  - Nhận biết: tiếng *chanh* có vần *anh.* Đánh vần: chờ - anh - chanh. Đọc trơn: quả chanh  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con: anh, ênh, inh , chanh, kênh, kính (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  -HS lắng nghe,quan sát  -HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần anh, ênh, inh; từ ngữ chanh, kênh, kính.  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.5. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần anh, ênh, inh.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng nói mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần anh, ênh, inh trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một cầu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Nhà vịt ở đâu?  + Bố mẹ cho vịt con ra kênh để làm gì?  + Những câu nào nói lên gia đình vịt rất vui?  **2.6. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về các hoạt động thể dục, thể thao trong các tranh:  *Mọi người trong tranh đang làm gì?*  *Các hoạt động đó gọi là gì?*  *Để cơ thể khỏe mạnh, chúng ta phải làm gì?*  - GV có thể yêu cầu HS trao đổi thêm về các hoạt động rèn luyện thân thể và tác dụng của chúng đối với sức khoẻ con người.  **3. Củng cố**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần anh, ênh, inh và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần anh, ênh, inh và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp nhà. | - HS lắng nghe  - HS đọc thầm và tìm (kênh, xinh, nhanh, đình)  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng. Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần anh, ênh, inh trong đoạn văn một số lần.  - HS xác định số cầu trong đoạn văn: có 5 câu. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một cầu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần  - Một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Nhà vịt ở gần một con kênh.  + … tập bơi.  + … kêu cạp cạp.  - HS quan sát và nói các hoạt động trong tranh:  *…bơi, chạy, tập thể dục,*  … *hoạt động thể dục, thể thao.*  … *chăm chỉ luyện tập thể dục, thể thao….*  - HS thực hiện.  -HS tìm và đặt câu (Em là học sinh lớp 1. Hòn đá gập ghềnh. Lá cây màu xanh….)  -HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tự nhiên và xã hội**

**Chủ đề 3: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

**Bài 11: Con người nơi em sống (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

+ Nhận biết và giới thiệu được một cách đơn giản về cảnh làng quê, thành phố.

+ Nhận biết được sự khác nhau giữa quang cảnh làng quê miền núi và làng quê miền biển.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học:

+ Giới thiệu được một cách đơn giản về cảnh làng quê, thành phố.

+ Nhận biết được sự khác nhau giữa quang cảnh làng quê miền núi và làng quê miền biển.

- Giao tiếp và hợp tác: Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

+ Học sinh đặt được một số câu hỏi tìm hiểu quang cảnh xung quanh

+ Học sinh quan sát tranh ( SGK) trình bày những nét chính về quang cảnh và hoạt động của con người ở thành phố.

Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:

+ HS kể được những điểm khác nhau giữa thành phố và làng quê, nêu được quang cảnh nơi mình sinh sống một cách mạch lạc, rõ ràng và thể hiện được tình cảm của mình.

**3. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Rèn luyện kĩ năng quan sát thực tế, kĩ năng tranh luận.

- Trách nhiệm: Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV:

+ Tranh ảnh một số người làm những công việc khác nhau

+ Video clip một số công việc, nghề nghiệp khác nhau trong xã hội. Một số tấm bìa có ghi công việc, nghe nghiệp cụ thể.

- HS:

+ Sưu tầm tranh ảnh về công việc của những người xung quanh.

+ Sưu tầm tranh ảnh một số việc mình đã tham gia với cộng đồng (nếu có).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - GV cũng có thể tổ chức cho HS nghe một số bài hát nói về các công việc, nghệ nghiệp khác nhau. Sau đó, đặt câu hỏi (Các bài hát này nói về công việc gì?) từ đó dẫn dắt vào nội dung bài mới  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1. Hoạt động khám phá**  Hoạt động 1:  - GV hướng dẫn HS quan sát các hình trong SGK  C:\Users\HANG\Desktop\KHAM PHA 11.jpg  Trả lời các câu hỏi gợi ý của GV (Những người trong hình là ai? Công việc của họ là gì? Công việc đó đem lại những Lợi ích gì? ).  -Từ đó, HS nhận biết một số người và công việc cụ thể của họ: bác sĩ - khám, chữa bệnh; chủ kĩ sư xây dựng - thiết kế nhà; bác nông dân gặt lúa; chú lính cứu hoả – chữa cháy,... GV khuyến khích HS nêu lợi ích của những công việc cụ thể đó  Yêu cầu cần đạt: HS nói được tên một số công việc được thể hiện trong SGK.  **Hoạt động 2**  - Hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, trả lời câu hỏi của GV    -Em còn biết những công việc nào khác? Những công việc đó diễn ra ở đâu?  - Khuyến khích HS kể về những công việc mà các em quan sát được ở nơi mình sinh sống (trồng trọt, nuôi trồng thuỷ sản, lái xe, hướng dẫn viên du lịch,...). Từ đó trả lời các câu hỏi gợi ý của GV (Những công việc đó diễn ra ở đâu? Những công việc đó có lợi ích gì? Em có thích những công việc đó không? Vì sao?..).  - GV nhận xét và bổ sung.  Yêu cầu cần đạt: HS kể được nhiều người với các công việc khác nhau và nêu được cảm xúc của bản thân về các công việc đó.  **3.Hoạt động Luyện tập, thực hành**  -GV tổ chức HS làm việc theo nhóm ở hoạt động này. Từng thành viên trong nhóm kể cho nhau nghe về công việc của bố mẹ, anh chị mình.  Yêu cầu cần đạt: HS nói được công việc của bố mẹ và một số người thân, có thái độ trân trọng đối với mọi người và những công việc cụ thể của họ  **4.Hoạt động vận dụng**  HS kề về công việc mà mình mơ ước, sau đó GV có thể gọi một số bạn trình bày trước lớp và nói được lí do vì sao lại thích làm công việc đó.  Yêu cầu cần đạt: HS mạnh dạn, tự tin giới thiệu được công việc mà mình yêu thích  **5.. Đánh giá**  HS biết được công việc của bố mẹ, người thân và một số người xung quanh. Hình thành được mơ ước về công việc trong tương lai.  **6.. Hướng dẫn về nhà**  Kể với bố mẹ, anh chị về công việc mơ ước của mình sau này  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs đồ dùng dạy học bài sau | - HS hát   * - HS quan sát   -HS trả lời  +Bác sỹ khám chữa bệnh  + Chú kỹ sư xây dựng – thiết kế nhà  +Bác nông dân – gặt lúa  +Chú lính cứu hỏa- chữa cháy  - HS nhận xét, bổ sung  - HSquan sát tranh  - HS làm việc nhóm đôi  - Đại diện nhóm trả lời , bổ sung  +Nghề đầu bếp làm việc ở nhà hàng, khách sạn.  + Công việc thu ngân ( thu tiền ) làm việc ở siêu thị.  + Công an giao thông làm việc ở trên đường.  - HS nhận xét  - HS làm việc nhóm  - HS trình bày  + Bố mình là nông dân.  +Mẹ là công an.  +Anh em là sinh viên.  C:\Users\HANG\Desktop\3 BAI 11.jpg  - HS kể về mơ ước của em  +Sau này mình muốn làm họa sỹ  +Sau này mình muốn trở thành bác sỹ.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Thứ tư ngày 13 tháng 12 năm 2023**

**Tiếng Việt**

**Bài 58: ach, êch, ich**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *ach, êch, ich ;*đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *ach, êch, ich* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *ach, êch, ich* ; viết đúng các tiếng, có vần *ach, êch, ich.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giao tiếp và hợp tác: HS biết mạnh dạn, tự tin khi làm việc cùng các bạn.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

**-** Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của loài vật.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái : HS biết đoàn kết, yêu thương bạn.

- Chăm chỉ : HS biết chăm chỉ và tập trung trong học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm, cấu tạo, quy trình và cách viết các vần ach, êch, ich; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - HS hát, chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng anh, ênh, inh  - Nhận xét  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1. Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  -GV đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo, GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Ếch con thích đọc sách,*  - GV giới thiệu các vần mới ach, êch, ich. Viết tên bải lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần ach, êch, ich.  + GV yêu cầu một số (2 3) HS so sánh các vần ach, êch, ich để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần ach, êch, ich.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lấn.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ach.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép ê vào để tạo thành êch.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành ich.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh ach, êch, ich một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *sách*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng sách.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng sách . Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *sách*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng sách. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng sách.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - **Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ach, êch, ich.  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  c**. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: sách vở, chênh lệch, tờ lịch.  Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn sách vở, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV giải thích từ ngữ, cho từ ngữ *sách vở* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *ach* trong *sách vở*, phân tích và đánh vần tiếng *sách*, đọc trơn từ ngữ *sách vở*.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với chênh lệch, tờ lịch  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần ach, êch, ich.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần ach, êch, ich.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: ach, êch, ich và sách, lệch, lịch (chữ cỡ vừa).  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -HS chơi  -HS viết bảng anh, ênh, inh  - Nhận xét chữ của bạn.  - HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi: Ếch đang cầm sách ngồi trên lá sen.  - HS đọc theo GV câu nhận biết một số lần: *Ếch con thích đọc sách,*  -HS lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - HS so sánh: Giống nhau đều co âm ch đứng sau, khác nhau ở các âm a, ê, i đứng trước.  -HS lắng nghe  + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lấn.  + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ach.  + HS tháo chữ a, ghép ê vào để tạo thành êch.  + HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành ich.  - Lớp đọc đồng thanh ach, êch, ich một số lần.  + HS lắng nghe, nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *sách* (Tiếng *sách* có âm s đứng trước, vần *ach* đứng sau, *dấu sắc* trên âm *a).*  + Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng sách . Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *sách.*  + Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng sách. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *sách.*  + Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau. Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + HS đọc. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ach, êch,ich (xách, mách, lệch, hếch, lịch, nghịch, ...)  + 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  -HS lắng nghe, quan sát  -HS: Sách vở  -HS nhận biết tiếng chứa vần *ach* trong *sách vở*, phân tích và đánh vần tiếng *sách*, đọc trơn từ ngữ *sách vở*.  -HS thực hiện  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  -HS lắng nghe, quan sát  -HS viết vào bảng con: ach, êch, ich và sách, lệch, lịch (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  -HS lắng nghe |

**Tiết 2**

| **2.4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ach, êch,ich ; từ sách, chênh lệch, lịch.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **2.5. Đọc bài thơ**  - GV đọc mẫu cả bài thơ.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần ach, êch, ich.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ach, êch, ich trong đoạn văn một số lấn.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong bài thơ. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu, khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu cầu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả bài.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Ếch cốm để quên sách ở đâu?  + Vì sao ếch cốm để quên sách?  + Ếch nói gì khi cô giáo hỏi sách của ếch đâu?  **2.6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  *Các em nhìn thấy ai? ở đầu? đang làm gì?*  *Hãy nói về lớp học của em. (tên các thấy, cô dạy các môn học, số HS trong lớp, số tổ, tên các tổ trưởng, lớp trưởng, các hoạt động thường ngày trong lớp học,...)*  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những cầu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về lớp học.  **3. Củng cố**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ach, êch, ich và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần ach, êch, ich và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe, viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ach, êch, ich ; sách, chênh lệch, lịch.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần ach, êch, ich (ếch, nghịch, sách).  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng. Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ach, êch, ich trong đoạn văn một số lấn.  - HS xác định số câu trong bài văn: có 2 khổ thơ, mỗi khổ thơ có 4 dòng thơ. HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu, khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh.  - Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả bài.  + …bên bờ cỏ.  + …Mải rình bắt cào cào.  + …Thưa cô, em xin lỗi.  - HS quan sát tranh trong SHS và trả lời theo từng câu:  Cô giáo và các bạn HS, ở trong lớp học, cô đang theo dõi các bạn thảo luận, học tập.  HS nói về lớp của mình…  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ach, êch, ich và đặt cầu với từ ngữ tìm được (*Lớp em rất sạch sẽ. bạn đội mũ bị lệch. Em thích đi học…)*  - HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Toán**

**Bài 12: Bảng cộng bảng trừ trong phạm vi 10**

**(3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Hình thành được bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 và vân dụng tính nhẩm.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: hoàn thành công việc nhóm giao.

Diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập phép cộng trong phạm vi 10.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

Thực hiện được bảng cộng, trong phạm vi 10 và vận dụng tính nhẩm,liên hệ giải các bài toán có tình huống thực tế và vận dụng vào tính nhẩm.

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học Toán 1.

- Những mô hình, vậy liệu, xúc xắc,… để tổ chức hoạt động, trò chơi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1**.**Khám phá Bảng cộng**  - GV y/ c các em đếm và nêu phép tính  + Có 1 bông hoa thêm 6 bông hoa nữa, có tất cả mấy bông hoa?  + Yêu cầu nêu kết quả lần lượt  12  **2.3. Hoạt động**  **Bài 1: Tính nhẩm**  - Nêu yêu cầu bài tập  12  - HD HS tính nhẩm  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 2: Em hoàn thành bảng cộng**  - Nêu yêu cầu bài tập  12  - HD HS hoàn thành bảng cộng trong phạm vi 10  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 3: Tìm cánh hoa cho mỗi chú ong**  - Nêu yêu cầu bài tập  12  - HD HS nhẩm kết quả các phép tính ở mỗi chú ong. Chú ong sẽ đậu vào cành hoa chứa kết quả của phép tính ghi trên chú ong đó.  Chẳng hạn: cành hoa số 5 cho các chú ong ghi phép tính 3 + 2 và 4 + 1.  - GV cùng HS nhận xét  **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Hát  - Lắng nghe  + Có tất cả 7 bông hoa.  HS : 1 +6 = 7  Từ hình ảnh các bông hoa, HS hình thành các phép tính cộng có kết quả bằng 7.  1+6=7  2+5=7  3+4=7  4+3=7  5+2=7  6+1=7  - Đọc nối tiếp, lớp đồng thanhcác phép tính  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - HS thực hiện, nêu kết quả lần lượt: 1+9=10, 2+8=10, 3+7=10, …  - HS nhận xét  -HS theo dõi  - HS nêu kết quả: 1+1=2, 1+2=3, 1+3=4, 1+4=5, 1+5=6, 1+6=7, 1+7=8, 1+8=9, 1+9=10, …..  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - Lắng nghe  - HS nêu kết quả: cánh số 10 cho các chú ong có phép tính 7+3, 2+8; cánh số 9 cho chú ong có phép tính 6+3; cánh số 6 cho chú ong có phép tính 3+3.  - HS nhận xét  - Biết bảng cộng trong phạm vi 10. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Thứ năm ngày 14 tháng 12 năm 2023**

**Đạo đức**

**Chủ đề 4: THỰC HIỆN NỘI QUY TRƯỜNG, LỚP**

**Bài 12: Giữ trật tự trong trường, lớp**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết được ý nghĩa của việc giữ trật tự trong trường, lớp; khi nào cẩn giữ trật tự trong trường, lớp.

**2.Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

-Tự chủ và tự học:Thực hiện giữ trật tự trong trường lớp

**b. Năng lực đặc thù:**

**Năng lực điều chỉnh hành vi**

- NL nhận thức chuẩn mực hành vi:Biết được ý nghĩa của việc giữ trật tự trong trường, lớp; khi nào cần giữ trật tự trong trường, lớp.

- NL đánh giá hành vi của bản thân và người khác: HS tự đánh giá được việc thực hiện nội quy của bản thân. Nhắc nhở bạn bè thực hiện giữ trật tự trong trường, lớp học..

**-** NL điều chỉnh hành vi: Thực hiện giữ trật tự trong trường, lớp

**3.Phẩm chất :**

- Trách nhiệm: Có ý thức tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;

- Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười - mặt mếu, bài thơ, bài hát,... gắn với bài học

“Giữ trật tự trong trường, lớp”;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  ***-Tổ chức hoạt động tập thể - trò chơi "Nghe cô giáo giáng bài"***  dd12  \_ GV đặt các câu hỏi cho cả lớp:  1/ Cây bút dùng để làm gì? *(để viết*)  2/ Cái ô dùng để làm gì? *(để che mưa)*  3/ Cái bát để làm gì? *(để ăn cơm)*  4/ Cái ghế để làm gì? *(để ngồi)*  5/ Quyển sách để làm gì? *(để đọc)*  6/ Học sinh đến trường để làm gì? *(để học tập*)  7/ Vậy trong giờ học chúng ta cần làm gì? *(nghe cô giảng bài)*  - GV sẽ mời HS trả lời. GV khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.  *Kết luận:* Khi đến trường học tập em cần tuân theo nội quy của trường lớp, một trongcác nội quy đó là giữ trật tự trong trường, lớp.  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1.Khám phá**  ***Hoạt động 1 Khám phá những thời điểm em cần giữ trật tự trong trường, lớp***  *-*GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh nhỏ trong SGK mục Khám phá, và trả lời câu hỏi:  +Em cần giữ trật tự khi nào?  +Vì sao em cần giữ trật tự trong trường lớp  dd12  - GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.  *Kết luận:* Trong trường, lớp, em cần giữ trật tự khi chào cờ, khi xếp hàng vào lớp và ra về khi thầy cô đang giảng bài, các bạn đang phát biểu, các bạn đang ngủ trưa,...  ***Hoạt động 2:Tìm hiểu vì sao em cần giữ trật tự trong trường, lớp***   * GV treo/chiếu tranh trong mục Khám phá nội dung “Vì sao em cần giữ trật tự trongtrường, lớp” lên bảng để HS quan sát (hoặc HS quan sát tranh trong SGK) và đặt câu hỏi:   dd12  + Các bạn trong tranh đang làm gì?  + Em đồng tình với việc làm của bạn nào? Không đồng tình với việc làm của bạnnào? Vì sao?  + Vì sao em cần giữ trật tự trong trường, lớp?   * HS thảo luận cặp đôi, trả lời từng câu hỏi. * GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi những em có câu trả lời tốt.   *Kết luận:*   * Giữ trật tự trong trường, lớp là tôn trọng bản thân và tôn trọng mọi người. * Giữ trật tự trong trường, lớp để đảm bảo quyển được học tập, được an toàn của HS.   **3.Hoạt động Luyện tập, thực hành**  ***Hoạt động 1:Em chọn việc làm đúng***   * GV quan sát tranh lên bảng (hoặc HS quan sát tranh trong SGK mục Luyện tập),giao nhiệm vụ cho các nhóm: Hãy quan sát các bức tranh, thảo luận và lựa chọn việc nên làm, việc không nên làm, giải thích vì sao?   dd12   * HS thảo luận nhóm, cử đại diện nhóm lên bảng trả lời - HS cả lớp bổ sung   *Kết luận:*   * Việc em nên làm là: Trật tự nghe cô giáo giảng bài (tranh 1); Trật tự, lắng nghe thảoluận theo nhóm (tranh 3). * Việc em không nên làm là: Nói chuyện trong lớp (tranh 2).   ***Hoạt động 2 Chia sẻ cùng bạn***   * GV nêu yêu cẩu: Em đã biết giữ trật tự trong trường, lớp chưa? Hãy chia sẻ với bạn nhé! * GVmời một số HS chia sẻ trước lớp qua thực tế của bản thân. * GV nhận xét và khen ngợi các bạn đã biết giữ trật tự trong trường lớp   *Kết luận:* Để đạt kết quả tốt trong học tập em cân lắng nghe cô giáo giảng bài và thựchiện nội quy giữ trật tự trong trường, lớp.  **4.Hoạt động Vận dụng**  ***Hoạt động 1 Xử lí tình huống***  GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: Quan sát tranh, thảo luận và đưa raphương án xử lí tình huống ở mục Vận dụng.  dd12  ***Tình huống 1: Hai bạn đẩy nhau khi đang xếp hàng.***  + HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày cách xử lí tình huống.  + HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  + GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi nhóm có cách xử lí tình huống hay, sau đó địnhhướng cho HS lựa chọn cách xử lí tình huống tốt nhất.  ***Tình huống 2: Em đang viết bài thì có bạn kéo tay: “Tớ có chuyện này hay lắm”***  + Cách tiến hành: Tương tự tình huống 1.  *Kết luận:* Em cần biết giữ trật tự trong trường, lớp và nhắc nhở các bạn cũng biết giữtrật tự như em.  ***Hoạt động 2;Em cùng các bạn nhắc nhau giữ trật tự trong trường, lớp***   * GV cho HS tự nhắc nhở nhau khi đến trường giữ trật tự chung cho cả lớp.   *Kết luận:* Các em cần nhắc nhau giữ trật tự trong trường, lớp.  *Thông điệp:* GV chiếu/viết thông điệp lên bảng (HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vàoSGK), đọc  .- Hệ thống nội dung bài.  - NX, tuyên dương, động viên HS. | -HS tham gia chơi  - HS trả lời;Cây bút dung để viết  Cái ô dùng để che mưa  Cái bát để ăn cơm  Cái ghế để ngồi.  Quyển sách để đọc  HS lắng nghe  - HS quan sát tranh  - HS trả lời  + Khi chào cờ, trong lớp học, xếp hàng ra vào lớp  lớp,trong giờ học , khi ngủ ,.....  + Giữ trật tự trong trường, lớp là tôn trọng bản thân và tôn trọng mọi người.  ….  + …  - HS lắng nghe  -HS quan sát tranh  - HS thảo luận nhóm đôi  + Các bạn tronh tranh đang ngồi học  +Em đồng tình với các bạn.Không đồng tình  với bạn namgồi bàn đầu vì bạn chưa trật tự trong  giờ học.  - Đại diện nhóm trình bày, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.   -HS lắng nghe        -HS quan sát    - HS thảo luận nhóm  - Học sinh trả lời  - Học sinh trả lời  - Học sinh trả lời  - HS: đại diện nhóm trả lời    -HS lắng nghe      - HS tự liên hệ bản thân kể ra.   - HS chia sẻ:Trong giờ học ,mình lắng nghe cô giáo giảng bài  giáo giảng bài.  - HS chia sẻ: Mình không nói chuyện riêng  Trong lớp học.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tranh  -HS chọn cho nhóm mình 1 tranh và thảo  luận trong nhóm mình  -Đại diện nhóm trình bày, bổ sung  + Các cách xử lí khác nhau: 1/ Nhắc các bạn đừng làm thế; *2/*Thưa cô giáo; 3/ Mặckệ các bạn,...  - HS quan sát tranh  -HS nêu:  + Các cách xử lí khác nhau: 1/ Dừng viết, nghe bạn kể chuyện; 2/ Không để ý, vẫntiếp tục viết; 3/ Nói với bạn: “Để tớ viết xong, ra chơi hãy kể”; 4/ Thưa cô giáo;...  -HS lắng nghe  -  HS đọc  dd12  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |



**Tiếng Việt**

**Bài 59: ang ăng âng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *ang, ăng, âng ;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *ang, ăng, âng* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *ang, ăng, âng* ; viết đúng từ *măng tre, nhà tầng.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự học và tự chủ: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- HS phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật thiên nhiên ( ánh trăng, mặt trăng, mặt trời).

**3. Phẩm chất:**

Trung thực : HS biết trung thực, tự tin khi nhận xét, đánh giá về bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Màn hình ti vi, máy tính

- Sách , vở, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - HS hát, chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng ach, êch, ich  - Nhận xét  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1. Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lấn: *Vầng trăng sáng lấp ló/ sau rặng tre.*  - GV giới thiệu các vần mới ang, ăng, âng. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh các vần ang, ăng, âng để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần ang, ăng, âng.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần. Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ang.  + HS tháo chữ a, ghép ă vào để tạo thành ăng.  + HS tháo chữ ă, ghép â vào để tạo thành âng.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh ang, ăng, âng một số lần.  **b. Đọc tiếng**  -Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng *sáng*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *sáng.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng sáng. Lớp đánh vần đồng thanh.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng sáng. Lớp đọc trơn đóng thanh tiếng sáng.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa vần ang, ăng, âng.  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1- 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: cá vàng, măng tre, nhà tầng.  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn cá vàng, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV giải thích từ và cho từ ngữ cá vàng xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần ang trong cá vàng, phân tích và đánh vần tiếng vàng, đọc trơn từ ngữ cá vàng.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với măng tre, nhà tầng.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần ang, ăng, âng. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần ang, ăng, âng.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: ang, ăng, âng , vàng, măng, tầng. (chữ cỡ vừa).  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -HS chơi trò chơi  -HS viết bảng ach, êch, ich  - Nhận xét bài của bạn  -HS trả lời: Có rặng tre và trăng lấp ló.  - HS lắng nghe  - HS đọc câu nhận biết một số lấn: *Vầng trăng sáng lấp ló/ sau rặng tre.*  - HS lắng nghe  + Một số (2 - 3) HS so sánh các vần ang, ăng, âng: giống nhau đều có âm ng đứng sau, khác nhau ở các âm a, ă, â đứng trước.  + HS lắng nghe  + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần. Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần (a – ng – ang, ă – ng – ăng, â – ng – âng).  + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  + Tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ang.  + HS tháo chữ a, ghép ă vào để tạo thành ăng.  + HS tháo chữ ă, ghép â vào để tạo thành âng.  - Lớp đọc đồng thanh ang, ăng, âng một số lần.  -HS lắng nghe  + Nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *sáng* (Từ vần ang ghép âm s dứng trước và dấu sắc trên âm a).  + Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng sáng. Lớp đánh vần đồng thanh.  + Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng sáng. Lớp đọc trơn đồng thanh.  + Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau.  Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ang, ăng, âng (bàng, ngang, trăng, măng, vâng, nâng,...)  + 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1- 2 HS nêu lại cách ghép.  + lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  -HS lắng nghe, quan sát  -Nói tên sự vật trong tranh: cá vang  -HS nói  -HS nhận biết tiếng chứa vần ang trong cá vàng, phân tích và đánh vần tiếng vàng, đọc trơn từ ngữ cá vàng (tiếng vàng có vần ang. Vờ - ang - vang - huyền - vàng, cá vàng).  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  -HS quan sát, lắng nghe  -HS viết vào bảng con: ang, ăng, âng , vàng, măng, tầng. (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ang, ăng, âng; từ ngữ măng tre, nhà tầng.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **2.5. Đọc bài thơ**  - GV đọc mẫu cả bài thơ  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần ang, ăng, âng.  - GV yêu cầu một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ang, ăng, âng trong bài thơ một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong bài thơ. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng dòng (mỗi HS một dòng), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả bài.  - GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung bài thơ:  + Bài thơ nói về nhân vật nào? Đang làm gì?  + Thời tiết được miêu tả như thế nào?  + Khi đi học, mèo con mang theo cái gì?  **2.6. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về mặt trăng và mặt trời  *Tranh nào vẽ mặt trăng?*  *Tranh nào vẽ mặt trời?*  *Mặt trời xuất hiện khi nào?*  *Mặt trăng xuất hiện khi nào?*  - GV có thể cho HS trao đổi thêm về cảm nhận của các em đối với mặt trăng và mặt trời.  **3. Củng cố**  GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ang, ăng, âng và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần ang, ăng, âng và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ang, ăng, âng; từ ngữ măng tre, nhà tầng.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm các tiếng có vần ang, ăng, âng (nắng, chang, chẳng, mang).  - Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng. Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ang, ăng, âng trong bài thơ một số lần.  - HS xác định: bài thơ có 4 dòng, có dòng 6 chữ, có dòng 8 chữ). Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng dòng (mỗi HS một dòng), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - Một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả bài.  - HS trả lời cầu hỏi về nội dung bài thơ:  + ….mèo con đi học.  + …trời nắng chang chang.  + …một cái bút chì, một mẩu bánh mì.  - HS quan sát tranh trong SHS và nói về mặt trăng và mặt trời:  *Tranh bên trái*  *Tranh bên phải*  *Mặt trời xuất hiện vào ban ngày*  *Mặt trăng xuất hiện vào ban đêm*  - HS trao đổi.  -HS lắng nghe  -HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ang, ăng, âng và đặt cầu với từ ngữ tìm được (*Cây bàng cho bóng mát. Em vâng lời cô giáo. Hôm nay trời nắng…)*  - HS theo dõi, lắng nghe. |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**TOÁN \***

**Luyện tập**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Phát triển năng lực:**

**Giúp HS củng cố , hình thành:**

-Thực hiện được các phép trừ trong phạm vi 10, hình thành phản xạ nhanh cho HS và vận dụng tính nhẩm

-Phát triển năng lực tư duy

-Liên hệ giải các bài toán có tình huống thực tế

-Vận dụng vào tính nhẩm

**2:Phát triển phẩm chất**

-Rèn tính tự lập, kỉ luật ,chăm chỉ, siêng năng, hứng thú trong môn học.

**II.CHUẨN B**

-GV:vở BT,tranh ảnh minh họa,1 số đồ vật phục vụ trò chơi

-HS:Vở BT, bộ thực hành Toán, bút…

**III:TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **Trò chơi: Ai nhanh ai đúng**  -Chia lớp thành 2 đội chơi  -GV sẽ ghi trên bảng dãy số 0 dến 10 theo vòng tùy ý. Hai đội sẽ có 5 lượt chơi nối tiếp. GV đọc to phép tính .Đội nào đập nhanh nhiều đáp án chính xác sẽ là đội chiến thắng.  -GV nhận xét, tuyên dương tổng kết trò chơi  -GV dẫn nhập vào bài  **Bài 1: Số? (Vở bt/74)**  -GV yêu cầu hs đọc đề  -GV phân tích yêu cầu đề  -GVcho HS quan sát mẫu a/ yêu cầu HS nêu cách thực hiện  -Tương tự HS làm các câu còn lại vào VBT  -GV nhận xét, chấm bài 1 số vở.  **Bài 2:Viết số thích hợp vào chỗ chấm (vở bt/74)**  -Gv đọc đề  -GV phân tích đề  -GV cho Hs quan sát mẫu a hỏi:  8-5=  8-3=  -Tương tự HS làm các câu còn lại vào VBT  -GV nhận xét,tuyên dương chấm bài 1 số HS  **Bài 3: Số ?**  **Câu a:**  -GV yêu cầu hs đọc đề  -GV phân tích yêu cầu đề  -Yêu cầu HS thực hiện các phép tính trong bảng vào VBT  **Câu b:**  -Gv đọc đề  -GV phân tích đề , hỏi:  -Các phép tính có kết quả bằng 5 ta tô màu gì?  -Màu vàng được tô ở ô có kết quả bằng mấy?  -Kết quả bằng 1 tô màu gì?  -Yêu cầu HS làm bài vào VBT  **Bài 4: Viết phép cộng theo mẫu (vở BT/75)**  -Gv đọc đề  -GV phân tích đề , hỏi:  -Vì sao con ong 7-3 lại nối với cánh hoa số 4?  -Làm thế nào để nối các con ong với cánh hoa còn lại?  -Tương tự học sinh làm các câu còn lại  -GV nhận xét,tuyên dương chấm bài 1 số Hs  **+Trò chơi “Phản xạ nhanh”**  -GV chia lớp thành 2 đội chơi  -GV phổ biến luật chơi cách chơi  -Tố chức cho HS chơi  -Nhận xét ,tuyên dương đội thắng  **+Dặn dò**: Học thuộc bảng cộng để phản xạ nhanh | -HS đọc đề  -HS lắng nghe  -Có 9 quả trứng, bỏ 1 ta có phép tính  9-1 =8  -HS làm bài  -HS lắng nghe  -Hs lắng nghe  -3  -5  -Hs làm bài  -HS lắng nghe  -HS đọc đề  -HS lắng nghe  -HS làm bài  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -Màu đỏ  -3  -Màu xanh  -HS tô màu  -HS lắng nghe  -7-3=4  -Ta thực hiện phép tính ở các con ong , có kết quả bằng với cánh hoa ta nối lại  -HS làm bài  -HS lắng nghe  -2 đội chơi  -HS lắng nghe, ghi nhớ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Luyện viết: Tập viết et, êt, it, ut, ưt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

**Giúp HS:**

- Củng cố các vần **et, êt, it, ut, ưt**

- Viết đúng các tiếng từ ngữ có vần**et, êt, it, ut, ưt**

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần **et, êt, it, ut, ưt**

có trong bài học.

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần **et, êt, it, ut, ưt**

- Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết các vần

**3. Phẩm chất:**

- Hs có ý thức viết cẩn thận

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở luyện tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **2.1. Đọc HS luyện đọc vần**  **a. Đọc vần**  - GV yêu cầu một số HS đọc vần **et, êt, it, ut, ưt**  sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - GV yêu cầu một sốHS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  • Đánh vần tiếng:  • Đọc trơn tiếng:  - Đọc tiếng chứa vần**et, êt, it, ut, ưt**  -GV đưa các tiếng chứa vần **et, êt, it, ut, ưt**  yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm t**đứng sau )**• Đánh vần tiếng:  • Đọc trơn tiếng:  - GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  c**. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **e. Đọc câu**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có vần **et, êt, it, ut, ưt**  **2.2. Viết vở**  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **3. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi vần **et, êt, it, ut, ưt**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và | -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số HS đọc vần **et, êt, it, ut, ưt**  **-** Sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm:  - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng vần **et, êt, it, ut, ưt**  đang học.  -HS đọc trơn các tiếng chứa vần **et, êt, it, ut, ưt** đang học  - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng vần **et, êt, it, ut, ưt**đang học.  -HS đọc trơn các tiếng chứa **et, êt, it, ut, ưt**  đang học  -HS đọc tất cả các tiếng chứa vần **et, êt, it, ut, ưt**  cá nhân, cả lớp - HS: nối tiếp đọc các từ dưới tranh  - Lớp đọc đồng thanh một số lần,  -HS viết vở luyện  -HS nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Luyện viết: Tập viếtap, ăp, âp, op, ôp, ơp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

**Giúp HS:**

- Củng cố các vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**

- Viết đúng các tiếng từ ngữ có vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**

có trong bài học.

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**

- Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết các vần

**3. Phẩm chất:**

- Hs có ý thức viết cẩn thận

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở luyện tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **2.1. Đọc HS luyện đọc vần**  **a. Đọc vần**  - GV yêu cầu một số HS đọc vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - GV yêu cầu một sốHS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  •GV đưa các tiếng chứa vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**,yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp** đang học  • Đánh vần tiếng:  • Đọc trơn tiếng:  - Đọc tiếng chứa vần**ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  c**. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **e. Đọc câu**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  **2.2. Viết vở**  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **3. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và | -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số HS đọc vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  **-** Sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm:  - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  đang học.  -HS đọc trơn các tiếng chứa vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  -HS đọc trơn các tiếng chứa vần đang học  -HS đọc tất cả các tiếng chứa vần **ap, ăp, âp, op, ôp, ơp**  cá nhân, cả lớp - HS: nối tiếp đọc các từ dưới tranh  - Lớp đọc đồng thanh một số lần,  -HS viết vở luyện  -HS nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tự nhiên và xã hội**

**Chủ đề 3: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

**Bài 11: Con người nơi em sống (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

+ Nhận biết và giới thiệu được một cách đơn giản về cảnh làng quê, thành phố.

+ Nhận biết được sự khác nhau giữa quang cảnh làng quê miền núi và làng quê miền biển.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học:

+ Giới thiệu được một cách đơn giản về cảnh làng quê, thành phố.

+ Nhận biết được sự khác nhau giữa quang cảnh làng quê miền núi và làng quê miền biển.

- Giao tiếp và hợp tác: Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

+ Học sinh đặt được một số câu hỏi tìm hiểu quang cảnh xung quanh

+ Học sinh quan sát tranh ( SGK) trình bày những nét chính về quang cảnh và hoạt động của con người ở thành phố.

Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:

+ HS kể được những điểm khác nhau giữa thành phố và làng quê, nêu được quang cảnh nơi mình sinh sống một cách mạch lạc, rõ ràng và thể hiện được tình cảm của mình.

**3. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Rèn luyện kĩ năng quan sát thực tế, kĩ năng tranh luận.

- Trách nhiệm: Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV:

+ Tranh ảnh một số người làm những công việc khác nhau

+ Video clip một số công việc, nghề nghiệp khác nhau trong xã hội. Một số tấm bìa có ghi công việc, nghe nghiệp cụ thể.

- HS:

+ Sưu tầm tranh ảnh về công việc của những người xung quanh.

+ Sưu tầm tranh ảnh một số việc mình đã tham gia với cộng đồng (nếu có).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Tiết 2** | |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  -GV có thể đặt câu hỏi: Em mơ ước làm công việc gì? Vì sao em lại thích làm công việc đó? HS có thể trả lời chưa đầy đủ hoặc chưa nói được lí do vì sao,  -GV khuyến khích, động viên và dẫn dắt vào nội dung tiết học mới.  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.1. Hoạt động khám phá**  **Họat động 1**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, quan sát hình trong SGK, thảo luận theo câu hỏi gợi ý của GV :  Nói tên công việc trong từng hình và lợi ích của công việc đó...  - Thông qua quan sát và thảo luận, HS nhận biết được bác nông dân cấy lúa, kết quả lao động là đem lại những hạt gạo trắng ngần và là nguồn thức ăn không thể thiếu được của con người (trong đó có cả bản thân các em) nên chúng ta phải trân trọng người nông dân và thành quả lao động của họ.  - Tương tự GV yêu cầu các nhóm quan sát và thảo luận lần lượt 2 hành sau và trình bày ý kiến trước lớp. Các nhóm khắc lắng nghe, bổ sung.  - Sau đó GV nhận xét và kết luận.  Yêu cầu cần đạt: HS nhận biết được lợi ích của một số công việc cụ thể và có thái độ trân trọng những người lao động và thành quả của họ.  **Hoạt động 2 :**  - Yêu cầu HS quan sát hình ở SGK và thảo luận cặp đôi theo câu hỏi gợi ý:  +Nói tên những công việc và lợi ích của những công việc đó?  - Qua đó, HS nhận biết được các Công việc trong tranh: đan lát thủ công, làm mộc, chăn nuôi bò sữa và lợi ích của những công việc đó.  - Khuyến khích HS nói về lợi ích của một số công việc khác trong cộng đồng Yêu cầu cần đạt: HS nhận biết được lợi ích của nhiều công việc khác trong cộng đồng.  **3.Hoạt động Vận dụng**  - GV có thể gợi ý: Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, các em cũng có thể là rất nhiều việc có ích cho gia đình cộng đồng. Em có thể chia sẻ một số công việc mà em đã tham gia ở gia đình, cộng đồng HS trả lời, GV nhận xét và động viên các em.  - GV có thể chiếu video/clip về một số công việc khác mà các em chưa biết và lợi ích của những công việc này. Qua đó, yêu cầu HS nói được cảm xúc về một số công việc cụ thể  Yêu cầu cần đạt: HS biết thêm một số công việc khác cũng như lợi ích của các công việc đó, biết trân trọng người lao động và thành quả lao động của họ, từ đó có ý thức thanh gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi của mình.  \*Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức thêm hoạt động cho HS qua trò chơi "Đố bạn nghề gì?”  - yêu cầu cần đạt: Khắc sâu kiến thức bài học và tạo không khí vui vẻ trong học tập.  - đồ dùng dạy học: 3-4 tấm bia; trên mỗi tấm bìa có ghi công việc cụ thẻ khám bệnh, nuôi trồng thuỷ sản, lao công….  Cách chơi:  + Gọi một bạn lên bảng, đừng quay lưng xuống lớp, GV lấy một tấm bia có ghi tên công việc treo phía sau lưng bạn đó  + GV gọi 3 bạn khác ở dưới lớp nói những thông tin liên quan về công việc ghi trên bìa để bạn trên bảng trả lời. Nếu trả lời sai thì không được điểm.  Ví dụ: Tấm bìa có hình ảnh người nông dân đang trồng lúa; 3 bạn có thể đưa ra 3 thông tin: Công việc thực hiện ở ngoài đồng: mang lại nguồn lương thực cho mọi người, sản phẩm là gạo nếp, gạo tẻ.  + GV và các bạn khác theo dõi, động viên. Yêu cầu cần đạt: HS hào hứng tham gia và khắc sâu kiến thức bài học.  **4. Đánh giá**  Định hướng phát triển năng lực phẩm chất: GV có thể tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm về ý nghĩa của hình tổng kết cuối bài: tình cảm của HS đối với thầy cô giáo nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, từ đó hiểu được công việc nào cũng đáng quý.  Tổ chức cho các em nói mơ ước về công việc của mình và giải thích vì sao lại tơ ước về công việc đó, từ đó phát triển năng lực khám phá, năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống  **5. Hướng dẫn về nhà**  Tìm hiểu thêm từ bố mẹ, anh chị một số nghề nghiệp, công việc khác ở địa phương và lợi ích của các công việc, nghề nghiệp đó,  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs đồ dùng dạy học bài sau | - HS trả lời  - HS quan sát  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  +Bác nông dân cấy lúa, kết quả lao động là đem lại những hạt gạo trắng ngần và là nguồn thức ăn không thể thiếu được của con người  +Bác thợ xây , xây nhà kết quả có nhà để ở.  +Em bé chăm học.Được cô giáo khen  -Nhóm khác theo dõi, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh  - Đại diện nhóm trả lời  +Nghề đan lát có sản phẩm là thúng mủng.  +Nghề thợ mộc ó sản phẩm giường, tủ ,bàn ghế,cửa.  +Chăn nuôi bò sữa cung cấp sữa tươi.  -HS nhận xét, bổ sung  -HS chia sẻ  +Em đã nhặt rác ở đường làng, nhổ có ở bồn hoa  -HS lắng nghe  -HS theo dõi  - HS tham gia  -HS tham gia chơi  -HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu  - HS lắng nghe  - HS tham gia nói về ước mơ  - HS lắng nghe  HS nêu:  Bất kỳ công việc nào đem lại lợi ích cho xã hội đều đáng quý |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Thứ sáu ngày 15 tháng 12 năm 2023**

**Tiếng Việt**

**Bài 60: Ôn tập và kể chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

+ HS nắm đọc chính xác các vần *ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh, ach, êch, ich, ang, ăng, âng;* cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần

hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

**2. Năng lực:**

**a.. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học : HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS phát triển kĩ năng viết thông qua viết câu có chứa một số âm - vần đã học.

+ HS phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Quạ và đàn bồ câu* vàtrả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ : HS biết theo dõi GV, bạn kể câu chuyện và kể được từng đoạn câu chuyện, cả câu chuyện.

- Trung thực : HS biết nhận xét đúng về bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm các vần ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý vận dụng cách giải thích nghĩa bằng các hình ảnh trực quan.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - HS viết ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh  - Nhận xét  **2. Đọc tiếng, từ ngữ**  - Đọc tiếng: HS đọc trơn các tiếng (cá nhân, nhóm). Lớp đọc trơn đồng thanh.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **3. Đọc đoạn**  -GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu cầu HS trả lời một số cầu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  *Sáng sáng, Hà dậy sớm làm gì?*  *Một hôm tỉnh giấc, Hà nghe thấy gì?*  *Vì sao con gà của Hà chẳng gáy?*  **4. Viết câu**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một cầu “Em vẽ vầng trăng sáng” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -HS viết bảng ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh  Nhận xét chữ của bạn.  - HS đọc trơn các tiếng (đẹp, xếp, kịp,cúp, rãnh, ghềnh, đình, vách, chếch, đích, sáng, thẳng vâng), (cá nhân, nhóm).  - HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ (sạch sẽ, xinh đẹp, thếp giấy, kịp thời, ...)  Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần (thích, sáng, chẳng, tỉnh, chẳng)  -HS lắng nghe  - HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.  - HS trả lời một số cầu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  *... chờ gà gáy ò ó o.*  *... gà cục ta cục tác.*  *... vì đó là gà mái.*  -HS viết vào vở Tập viết 1, tập một cầu “*Em vẽ vầng trăng sáng*” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ).  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **5. Kể chuyện**  **a. Văn bản**  *QUẠ VÀ ĐÀN BỒ CÂU*  *Quạ thấy đàn bồ câu được nuôi ăn đầy đủ, nó bôi trắng lông mình rồi bay vào chuồng bồ câu. Đàn bồ câu thoạt đầu tưởng nó cũng là bồ câu như mọi con khác, thế là cho nó vào chuồng. Nhưng quạ quên khuấy và cất tiếng kêu theo lối quạ. Bấy giờ họ nhà bồ câu xúm vào mổ và đuổi nó đi. Quạ bay trở về với họ nhà quạ, nhưng họ nhà quạ sợ hãi nó bởi vì nó trắng toát, và cũng đuổi cổ nó đi.*  *(Theo Truyện ngụ ngôn)*  **b. GV kể chuyện, đặt cầu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ cầu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt cầu hỏi.  Đoạn 1: Từ đầu đến *vào chuồng bồ câu*. GV hỏi HS:  *- Quạ bôi trắng lông mình để làm gì?*  Đoạn 2: Từ *Đàn bồ câu thoạt đầu* đến *cho nó vào chuống*. GV hỏi HS:  *- Vì sao đàn bồ câu cho qua vào chuồng?*  Đoạn 3: Từ *Nhưng quạ quên khuấy* đến *đuổi nó đi*. GV hỏi HS:  *- Khi phát hiện ra quạ đàn bồ câu làm gì?*  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  - *Vì sao họ nhà quạ cũng đuổi quạ đi?*  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ cầu chuyện.  Nhận xét, khen ngợi  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  HS trả lời:  *-…để bay vào chuồng bồ câu.*  *-…vì tưởng nó là bồ câu*  -…mổ và đuổi nó đi.  *- Vì nó trắng toát nên họ nhà quạ sợ hãi và đuổi nó đi*  -HS lắng nghe, kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV  Nhận xét |
| --- | --- |



**Toán**

**Bài 12: Bảng cộng , bảng trừ trong phạm vi 10**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Hình thành được bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 và vân dụng tính nhẩm.

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: hoàn thành công việc nhóm giao.

Diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập phép cộng trong phạm vi 10.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

Thực hiện được bảng cộng, trong phạm vi 10 và vận dụng tính nhẩm,liên hệ giải các bài toán có tình huống thực tế và vận dụng vào tính nhẩm.

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, sgk

- SGK, vở, bảng con, bộ chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 2**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu**  **Khởi động**  - Ổn định  - Giới thiệu bài  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **2.**1. Khám phá: Bảng trừ  12  -Từ hình ảnh các bông hoa, HS hình thành các phép tính 8 trừ cho một số. (Nêu được kết quả các phép tính 8 - 1, 8 - 2, 8 - 3, 8 - 4, 8 - 5, 8 - 6, 8 - 7).  **2.2. Hoạt động**  **Bài 1: Tính nhẩm**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Hd HS tính nhẩm 6 trừ cho một số12  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 2: Em hoàn thành bảng trừ**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS hoàn thành bảng trừ trong phạm vi 10  12  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 3: Tính nhẩm**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS tính nhẩm ra các phép tính ghi ở lá cờ cắm trong mỗi lọ hoa  12  - GV cùng HS nhận xét  **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Hát  - HS quan sát  - HS theo dõi  - HS thực hiện hình thành các phép tính 8 trừ cho một số.  - HS nêu kết quả: 8-1=7, 8-2=6, 8-3=5, 8-4=4, 8-5=3, 8-6=2, 8-7=1  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - HS thực hiện  - HS nêu kết quả lần lượt: 4,3,2,1,0  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - HS thực hiện, nêu kết quả theo từng cột:  2-1=1 3-1=2 4-1=3 5-1=4  3-2=1 4-2=2 5-2=3  4-3=1 5-3=2  5-4=1…  - HS nhận xét  - Theo dõi, lắng nghe  - HS làm bài, nêu kết quả: 4-1=3, 5-2=3, 6-3=3, 8-5=3; 4-0=4, 5-1=4, 7-3=4; 6-1=5, 10-5=5.  - HS nhận xét  - Biết thực hiện các phép trừ trong phạm vi10. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt \***

**Ôn luyện**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Giúp HS:**

- Nhận biết và đọc dúng các vần anh, ênh, inh; đọc dúng các tiếng, từ ngữ, câu,

- Viết đúng các vần anh, ênh, inh (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần anh, ênh, inh

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần anh, ênh, inh có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng quan sát tranh.

- HS yêu thích môn học.

1. **CHUẨN BỊ:**

* GV: Tranh, ảnh.
* HS: VBT, bảng con, màu.

1. **TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **Khởi động( 7’)** | |
| 1. **Khởi động**: HS hát 2. **Bài cũ:**  * GV đọc cho HS viết đầu bếp, búp bê. * GV nhận xét, tuyên dương | * HS hát * HS viết bảng con * HS đọc * HS nhận xét |
| **Luyện tập ( 25’)** | |
| GV yêu cầu HS mở VBT Tiếng Việt 1  **Bài 1/ 50**   * GV đọc yêu cầu   GV hướng dẫn HS quan sát tranh và nối cho phù hợp.   * GV gợi ý: Em thấy gì ở các tranh? * GV yêu cầu HS Làm việc cá nhân. * GV nhận xét, tuyên dương.   **Bài 2/ 9**   * GV đọc yêu cầu   GV gợi ý: Em thấy gì trong tranh?   * GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi. * GV cho HS đọc lại từ * GV nhận xét tuyên dương.   **Bài 3/9**   * GV đọc yêu cầu * GV cho HS đọc cột A , B rồi nối lại cho phù hợp * HS làm việc cá nhân * GV nhận xét HS, tuyên dương. | **Bài 1: Nối**   * HS lắng nghe và thực hiện * HS nối * Hình 1- Nối từ con kênh * Hình 2- học sinh * Hình 3- chim cánh cụt * Hình 4- cành cây * HS nhận xét bài bạn   **Bài 2: điền anh , ênh hoặc inh.**   * HS lắng nghe và thực hiện * HS trả lời:   Hình 1: anh  Hình 2: ênh  Hình 3: inh   * HS điền và đọc lại từ * HS nhận xét   **Bài 3: nối**   * HS lắng nghe và thực hiện   HS đọc và nối cột A với B  + Hai anh em chơi bập bênh.  + Cây chanh đã ra quả.  + Bé vẽ hình tròn.   * HS nhận xét |
| **Vận dụng (3’)** | |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - HS cho HS đọc, viết lại vần anh, ênh , inh vào bảng con và đọc lại.  - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS lắng nghe và thực hiện |



**Hoạt động trải nghiệm**

**SINH HOẠT LỚP TUẦN 13**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 4 “An toàn cho em”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, quà khen thưởng…
* HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  - Lớp trưởng mời lần lượt các trưởng ban lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của lớp trong tuần qua.  - Lần lượt các tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo,các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - Lớp trưởng nhận xét chung tinh thần làm việc của các tổ trưởng và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà các trưởng nhóm đã báo cáo.  - Lớp trưởng tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm, ban điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở nhóm, nhóm nào cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - Lớp trưởng mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của Hội đồng tự quản, trưởng nhóm; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  - Lớp trưởng: Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.  - Lớp trưởng: Trước khi xây dựng kế hoạch tuần tới, mời các bạn ở ban nào về vị trí ban của mình.  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  **-** Lớp trưởng yêu cầu các trưởng nhóm dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến, các ban lập kế hoạch thực hiện.  - Các nhóm thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và YÊU CẦU CẦN ĐẠT phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong mỗi nhóm.  - Lớp trưởng cho cả lớp hát một bài trước khi các nhóm báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các Trưởng nhóm báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi nhóm báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - Lớp trưởng: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các nhóm.  Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa? (Cả lớp trả lời)  - Lớp trưởng: Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.  - Lớp trưởng: mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các nhóm. | -HS hát một số bài hát.  -Các trưởng nhóm nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của các nhóm.  - Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Các nhóm thực hiện theo lớp trưởng.  - Các ban thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - Trưởng nhóm lên báo cáo. |
| **3. Sinh hoạt theo chủ đề**  -Tổ chức trò chơi đoán tên bạn dựa trên đặc điểm bên ngoài: GV làm phiếu nhận biết trong đó có nêu 1 vài đặc điểm như: tóc, khuôn mặt, chiều cao,… của HS trong lớp cho vào hộp  -Mời HS lên bốc thăm, sau đó đọc to, rõ nội dung trong phiếu và có quyền đoán bạn có đặc điểm trong phiếu là ai; nếu không đoán được thì các bạn trong lớp sẽ tham gia đoán. Bạn nào đoán đúng sẽ được khen hoặc thưởng  **Đánh giá**   1. **Cá nhân tự đánh giá**   GV HD HS tự đánh giá việc thể hiện lòng kính yêu thầy cô theo các mức độ: Tốt, Đạt, Cần cố gắng  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  - GVHD tổ trưởng nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung trên và thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm,… hay không  **c) Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS tham gia trò chơi  -HS tự đánh giá  -HS đánh giá lẫn nhau  -HS theo dõi  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**BÀI 2: PHÒNG TRÁNH NGỘ ĐỘC**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Học xong bài nầy, HS có khả năng:

- Biết được nguy hiểm do ngộ đọc gây ra

- Nhận biết được một số thứ gây ngộ độc trong cuộc sống hằng ngày.

- Bước đầu biết cách xử trí khi chót cho vào miệng những thứ gây ngộ độc.

- Tuyên truyền cho người thân cùng tham gia phong traoftranhs ngộ độc cho TE

**II. Chuẩn bị**

Bài thơ phòng tránh ngộ độc trong tập “Bạn ơi hãy nhớ”- Dự án PCTNTTTE-2006 UNICEF.

Một số tranh ảnh về ngộ độc, nguy cơ gây ngộ đọcvà cách phòng tránh, nguy cơ gây ngộ độc và cách phòng tránh ngộ độc.

**III.Hoạt động dạy học:**

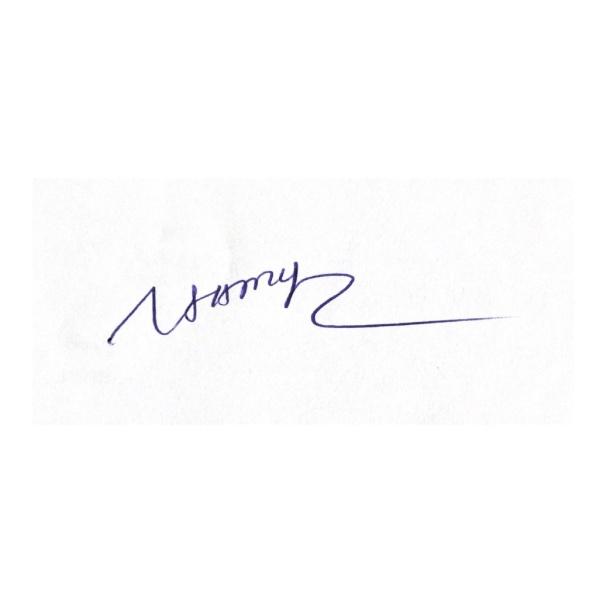
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** Khởi động: Cả lớp hát một bài  **2. Hoạt động 1**: Nghe đọc thơ  *a)Mục tiêu:* HS biết được nguy hiểm do ngộ độc gây ra  *b)Cách tiến hành*  - GV đọc đoạn thứ nhất bài thơ: “Ve vẻ vè ve…là người tham ăn”   * Trao đổi với học sinh:   + Ở lứa tuổi nầy chúng ta cần ăn uốngđủ chất để giúp cơ thể khỏe mạnh, nhưng các em củng phải thật cẩn thận khi ăn uống.  + Nếu không biết rõ đó là cái gì, chúng mình có nên cho vào miệng không?  - GV đọc lại một lần đoạn thơ rồi kết luận  *c)Kết luân:*  + Ở lứa tuổi nầy chúng ta cần ăn uống đủ chất để giúp cơ thể khỏe mạnh, nhưng các em cũng phải thật cẩn thận khi ăn uống.  + Các em đang ở tuổi tò mò, thích khám phá , có nhiều bạn gặp bất cứ thứ gifcungx cho vào miệng mà không biết rằng mình làm như thế sẽ bị ngộ độc, phải đi bệnh viện mà nhiều khi không cứu được.  **3/Hoạt động 2:** Thảo luận  *a.Mục tiêu****:***HS biết được một số thứ gây ngộ độc trong cuộc sống hằng ngày, biết cách xử trí khi chót cho những thứ đó vào miệng hoặc khi thấy những thứ đó không được cất cẩn thận.  *b.Cách tiến hành*  - GV cung cấp thông tin bằng cách đọc tiếp đoạn còn lại của bài thơ: “Nếu đã chót măm…Mới không vâng lơi”  - GV đọc từng đoạn “Nếu đã chót măm…Không ăn em nhe”; “Viên thuốc tuy bé…Người lớn cho phep!”  - Sau mỗi đoạn, GV trao đổi với HS:  - GV cung cấp thông tin bằng cách đọc tiếp đoạn còn lại của bài thơ: “Nếu đã chót măm…Mới không vâng lơi”  - GV đọc từng đoạn “Nếu đã chót măm…Không ăn em nhe”; “Viên thuốc tuy bé…Người lớn cho phep!”  - Sau mỗi đoan, GV trao đổi với HS:  + Đoạn thơ vừa rồi khuyên các em nên tránh xa những gì ?    + Chúng ta chỉ ăn uống khi nào?  + Nếu chót cho những thứ đó vào miệng mà cảm thấy trong người khó chịu, khi đó bạn sẽ xử lý như thế nào?  + Trong nhà em có những thứ mà trong đoạn thơ khuyên các em nên tránh xa không?  + Nếu thứ đó được để chỗ nào trong nhà? Em có thể tự lấy những thứ đó được không?  + Nếu em có thể tự lấy được những thứ đó thì em sẽ nói với bổ, mẹ, những người lớn trong nhà nên cất chúng ở đâu?  *c)Kết luân:*  Những thứ gây ngộ độc nếu nuốt phải là: thuôc, cồn, dầu hỏa, thuốc sâu, hoa quả được phun thuốc sâu, thuốc bảo vệ,…  Để đảm bảo an toàn, phòng tránh ngộ độc các em lưu ý:  - Không bao giờ tự uống thuốc khi không có người lớn hướng dẫn  - Không bao giờ cho các đồ vật vào miệng khi không biết đó là cái gì, chất gì.  - Không bao giờ chơi, chạm vào, hoặc hít ngửi, nếm thử những thứ lạ mà bạn chưa biết hoặc biết là độc hại.  - Khi chót nếm phải những thứ gây ngộ độc, phải gọi người lớn đến và móc họng cho nôn hết ra..  - Hãy nói với người lớn khi bạn thấy những thứ gây ngộ độckhông được cất cẩn thận.  **3. Củng cố, nhận xét giờ học**  - Nhận xét chung, dặn dò. | - HS hát  - Lắng nghe    - Trao đổi  - Lắng nghe      - Lắng nghe  - HS đọc lại  - thuôc, cồn, dầu hỏa, thuốc sâu, hoa quả được phun thuốc sâu, thuốc bảo vệ,…  - Khi chót nếm phải những thứ gây ngộ độc, phải gọi người lớn đến và móc họng cho nôn hết ra.. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Đã duyệt 24/11/2023**

**TỔ TRƯỞNG**



**Võ Thị Mỹ**